

Số: 982/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 569/2008/TLST-DS ngày 03/11/2008
“Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của người có quyền và lợi ích liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn K, sinh năm 1942, chết ngày 2/10/2019.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K:

+ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1941;

+ Ông Nguyễn K1, sinh năm 1967;

+ Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1970;

+ Ông Nguyễn Tuấn K2, sinh năm 1974;

+ Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Ánh T3, sinh năm 1969; cư trú tại: quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1972; cư trú tại: Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T1, ông K1, bà T2, ông T3, bà L, ông K2 và ông H: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020).

1.2. Ông Nguyễn Gia H, sinh năm 1944, chết 07/11/2018.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H:

+ Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1973; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975; cư trú tại: 37 Tulloch St, Deer Park Vic 3023, Australia;

+ Bà Nguyễn Thị Mai H3, sinh năm 1978; cư trú tại: quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Thị Mai H4, sinh năm 1981; cư trú tại: 20/3 Đường số 11, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ, bà H1, ông H2, bà H3 và bà H4: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020; 05/02/2020 và ngày 18/3/2020).

1.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.4. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.5. Ông Nguyễn Kim N2, sinh năm 1956; cư trú tại: quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.6. Ông Nguyễn X, sinh năm 1947; cư trú tại: Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà N1, ông N2 và ông X: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020 và ngày 08/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư TP- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1961, chết ngày 05/9/2019 (không chồng con).

2.2. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1963, chết ngày 20/4/2015.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

+ Ông Đặng Duy T, sinh năm 1964.

+ Ông Đặng Nguyễn D, sinh năm 2002 (có đơn không tham gia hoà giải và đề nghị xét xử vắng mặt).

Thường trú: Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng trú tại: Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1930, chết ngày 21/7/2014.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

+ Bà Phạm Thị Kim Y, sinh năm 1956; cư trú tại: IA 50010, USA;

+ Ông Phạm Kim T1, sinh năm 1960; cư trú tại: IA 52803, USA;

+ Ông Phạm Kim T2 (Phạm T2 Kim), sinh năm 1963; cư trú tại: IA 52803, USA;

+ Bà Phạm Kim Ánh H1 (Phạm Anh H Kim), sinh năm 1965; cư trú tại: IA 52803, USA;

+ Bà Phạm Kim Ánh N (Phạm N Thị Kim Anh), sinh năm 1967; cư trú tại: IA 50010, USA;

+ Ông Phạm Kim T3 (Phạm Kim T3), sinh năm 1970; cư trú tại: IA 52803, USA;

+ Ông Phạm Kim T4 (Phạm Kim T4), sinh năm 1971; cư trú tại: IA 52803, USA;

+ Bà Phạm Kim Ánh T5 (Phạm T5 Kim Anh), sinh năm 1972; cư trú tại: 2126 Eastern Ave Davenport, IA 52803, USA;

+ Bà Phạm Kim H2 (Phạm H2 Kim), sinh năm 1974; cư trú tại: IA 52803, USA;

Người đại diện hợp pháp của bà Y, ông T1, ông T2, bà H1, bà N, ông T2, ông T3, bà T4 và bà H2: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; cư trú tại: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản uỷ quyền ngày 18/3/2020 và ngày 02/7/2020).

3.2. Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1957, chết ngày 12/9/1993.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1: Ông Nguyễn Thái H2, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Phường Q, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn T1, sinh năm 1938, chết ngày 23/11/1981.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1:

+ Bà Đặng Thị Sáu U.

+ Ông Nguyễn T2.

+ Ông Nguyễn T3.

+ Bà Nguyễn Tố T4.

Cùng cư trú tại: Hoa Kỳ.

3.4. Ông Hoàng Như N, sinh năm 1944, chết ngày 10/4/2005.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

+ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1948

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1968

+ Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1970

+ Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1974

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ thường trú: huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Hoàng Đình K, sinh năm 1967, chết ngày 09/7/2016

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1969

- Bà Hoàng Ánh P, sinh năm 1989

- Ông Hoàng Duy C1, sinh năm 1990

- Ông Hoàng Tiến C2, sinh năm 1993

- Trẻ Hoàng Gia Phú T, sinh năm 2004 (có bà Vũ Thị L là người đại diện theo pháp luật).

Cùng địa chỉ thường trú: huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Hoàng Văn T (Hoàng Thanh T), sinh năm 1972, chết ngày 07/7/2011.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- Bà Trần Thị Lệ T (Trần Thị T), sinh năm 1976

- Ông Hoàng Đức H, sinh năm 1999

- Ông Hoàng Khánh C, sinh năm 2001

- Bà Hoàng Thanh P, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ thường trú: huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Trần Thị Đ, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn T3, Hoàng Thị D, Vũ Thị L, Hoàng Ánh P, Hoàng Duy C1, Hoàng Tiến C2, Hoàng Gia Phú T, Trần Thị Lệ T (Trần Thị T), Hoàng Đức H, Hoàng Khánh C, Hoàng Thanh P: Ông Đặng Duy T, có nơi cư trú trên (văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022 được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 25/01/2022).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 505/14 NK, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T trị giá 2.530.000.000 đồng.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T gồm 11 người con là các ông bà: Nguyễn K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Kim N2, Nguyễn X, Nguyễn T1, Nguyễn Thái H2, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T gồm 12 người con gồm các ông bà Nguyễn K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Kim N2, Nguyễn X, Nguyễn T1, Nguyễn Thái H2, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Thị Kim L, **Hoàng** Như N.

4. Phần thừa kế bà Nguyễn Thị Ngọc D được hưởng từ cha mẹ sẽ chia đều cho tất cả các anh chị em.

5. Ông Đặng Duy T, ông Đặng Nguyễn D - là người thừa kế của bà Nguyễn Ngọc N (chết ngày 20/4/2015) - có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế khác của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 2.000.000.000 đồng chậm nhất là ngày 09/9/2022. Cụ thể:

5.1. Hoàn cho những người thừa kế của ông Nguyễn K (chết ngày 02/10/2019) gồm: Bà Trần Thị T1, ông Nguyễn K1, ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Tuấn H, bà Nguyễn Ánh T3, bà Nguyễn Tuyết L số tiền 211.111.111 đồng.

5.2. Hoàn cho những người thừa kế của ông Nguyễn Gia H (chết ngày 07/11/2018) gồm: Bà Lý Thị Đ, bà Nguyễn Thị Mai H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Mai H3, bà Nguyễn Thị Mai H4 số tiền 211.111.111 đồng.

5.3. Hoàn cho bà Nguyễn Thị T số tiền 211.111.111 đồng.

5.4. Hoàn cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 211.111.111 đồng.

5.5. Hoàn cho ông Nguyễn Kim N2 số tiền 211.111.111 đồng.

5.6. Hoàn cho ông Nguyễn X số tiền 211.111.111 đồng.

5.7. Hoàn cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim L (chết ngày 21/7/2014) gồm: Bà Phạm Thị Kim Y, ông Phạm Kim T1, ông Phạm Kim T2 (Phạm T2 Kim), bà Phạm Kim Ánh H1 (Phạm Anh H1 Kim), bà Phạm Kim Ánh N (Phạm N Thị Kim Anh), ông Phạm Kim T3 (Phạm Kim T3), ông Phạm Kim T4 (Phạm Kim T4), bà Phạm Kim Ánh T5t (Phạm T5 Kim Anh), bà Phạm Kim H2 (Phạm H2 Kim) số tiền 211.111.111 đồng.

5.8. Hoàn cho người thừa kế của ông Nguyễn Thái H1 (chết ngày 12/9/1993) là ông Nguyễn Thái H2 số tiền 211.111.111 đồng.

5.9. Hoàn cho những người thừa kế của ông Nguyễn T1 (chết ngày 23/11/1981) gồm: Bà Đặng Thị Sáu U, ông Nguyễn T2, ông Nguyễn T3, bà Nguyễn Tố T4 số tiền 211.111.111 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ quản lý số tiền này. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho các ông bà trên khi có yêu cầu.

5.10. Hoàn cho những người thừa kế của ông Hoàng Như N (chết ngày 10/4/2005) gồm: Bà Trần Thị Đ; ông Hoàng Văn T1; ông Hoàng Văn T2; ông Hoàng Văn T3; bà Hoàng Thị D; ông Hoàng Đình K (chết ngày 09/7/2016) - có những người thừa kế của ông K gồm: Bà Vũ Thị L, bà Hoàng Ánh P, ông Hoàng Duy C1, ông Hoàng Tiến C2, Trẻ Hoàng Gia Phú T, sinh năm 2004 (có bà Vũ Thị L là người đại diện theo pháp luật); ông Hoàng Văn T (Hoàng Thanh T) (chết ngày 07/7/2011) - có những người thừa kế của ông T gồm: bà Trần Thị Lệ T (Trần Thị T); ông Hoàng Đức H; ông Hoàng Khánh C; bà Hoàng Thanh P số tiền 100.000.000 đồng.

6. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền, ông Đặng Duy T và ông Đặng Nguyễn D được trọn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà toạ lạc tại số 505/14 NK, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục đứng tên quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà đất trên.

7. Nếu hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà ông Đặng Duy T và ông Đặng Nguyễn D không thực hiện nghĩa vụ hoàn tiền thì một trong các đương sự được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất số 505/14 NK, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án. Số tiền phát mãi, sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí sẽ chia theo tỉ lệ như sau:

7.1. Những đồng thừa kế của ông Hoàng Như N được hưởng 5,6%.

7.2. Bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị N1; ông Nguyễn Kim N2, ông Nguyễn X; Những người thừa kế của ông Nguyễn K; Những người thừa kế của bà Nguyễn Ngọc N; Những người thừa kế của ông Nguyễn Gia H; Những người

thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim L; Những người thừa kế của ông Nguyễn Thái H1; Những Người thừa kế của ông Nguyễn T1 mỗi phần thừa kế được hưởng là 9,54%.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Miễn án phí cho các ông bà Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị N1; Nguyễn Kim N2, Nguyễn X.

2. Những người thừa kế của ông Nguyễn K phải chịu án phí 10.555.556 đồng.

3. Những người thừa kế của bà Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí 25.200.000 đồng.

4. Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí 10.555.556 đồng.

5. Những người thừa kế của ông Nguyễn Thái H1 phải chịu án phí 10.555.556 đồng.

6. Những người thừa kế của ông Nguyễn Gia H phải chịu án phí 10.555.556 đồng.

7. Những người thừa kế của ông Nguyễn T1 phải chịu án phí 10.555.556 đồng. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trích từ số tiền thừa kế đang quản lý để nộp.

8. Những người thừa kế của ông Hoàng Như N phải chịu án phí 5.000.000 đồng.

9. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N1; ông Nguyễn Kim N2, ông Nguyễn X và người thừa kế của ông Nguyễn K, ông Nguyễn Gia H số tiền tạm ứng án phí 5.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 006221, quyển số 0125 ngày 20/10/2008 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Thái H2 số tiền 2.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AG/2010/08979 ngày 28/7/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

V. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

VI. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp